

Unit 2: Pronunciation (trang 13)

1. (trang 13 SBT Tiếng Anh 10 mới) Complete the following words with pr, pl, gr, or gl and then read them aloud. (Hoàn thành các từ sau bằng pr, pl, gr, hoặc gl rồi đọc to lên)

1. prepare 2. platform 3. green 4. glue
5. April 6. supply 7. greetings 8. glove

2. (trang 13 SBT Tiếng Anh 10 mới) Read the following sentences aloud and underline the words with pr, pl, gr, or gl. (Đọc to các câu sau đây và nhấn mạnh các từ có pr, pl, gr, hoặc gl)

1. People in glass houses shouldn't throw stones.
2. A group of students are greeting each other in the playground.
3. When you need some more supplies, press this button.
4. Apply some glue to stick the plies together.
5. She plays a prime role in the group's presentation.
6. The sailplane glides gracefully before reaching for the ground.
7. People's fingerprints differ greatly and almost never coincide.
8. The London train will depart from platform six.

Unit 2: Vocabulary and Grammar (trang 13)

1. (trang 13 SBT Tiếng Anh 10 mới) Complete the crossword with names of the organs in human body, using the prompts to find out the DOWNWARD word. (Hoàn thành trò chơi ô chữ với tên của các cơ quan trong cơ thể người, sử dụng các nhắc nhở để tìm ra từ hàng dọc)

1. stomach 2. blood 3. knee 4. lungs 5. chest
6. spine 7. breathe 8. brain 9. neck 10. intestine

2. (trang 14 SBT Tiếng Anh 10 mới) Complete each of the following sentences with a word from the box. (Hoàn thành mỗi câu sau với một từ trong hộp)

1. breath 2. blood 3. brain 4. heart 5. nerves
6. skull 7. lungs 8. spine 9. pump 10. thinking

1. Sở hữu một hơi thở thơm mát là điều những người phải nói nhiều rất mong muốn.
2. Máu mang những chất cần thiết đối với sự tồn tại của mọi tế bào trong cơ thể.
3. Bộ não điều khiển các cơ quan trong cơ thể.
4. Mặc dù không hề liên quan tới cảm giác và cảm xúc, trái tim vẫn được cho là nơi xuất phát của tình yêu và cảm xúc.
5. Các dây thần kinh truyền tín hiệu giữa não bộ và phần còn lại của cơ thể.
6. Cơ quan lớn nhất trong hệ thần kinh của bạn được bảo vệ bởi hộp sọ.
7. Nếu bạn hít thở sâu, phổi của bạn có thể nở ra gấp hai lần so với bình thường.
8. Cột xương dọc hoặc ngang theo lưng của con người hoặc động vật được gọi là xương sống.
9. Trái tim có thể coi như một chiếc máy bơm phức tạp và hiệu quả nhất vì nó hoạt động không ngừng nghỉ trong suốt cuộc đời một con người.
10. Quá trình suy nghĩ được cho là chỉ có ở con người nhưng nghiên cứu đã chỉ ra rằng vài loài động vật cũng có khả năng này.

3. (trang 15 SBT Tiếng Anh 10 mới) Complete the following sentences with be going to or will (Hoàn thành các câu dưới đây với be going to hoặc will)

1. am going to/ will 2. is going to/ will 3. am going to 4. am going to
5. is going to 6. will 7. will 8. will

Hướng dẫn dịch:

1. – Tôi cảm thấy rất mệt mỏi. Tôi nghĩ tôi sẽ nghỉ ngơi.

2. – Bạn có muốn mình giúp không?

- Cảm ơn bạn. John sẽ giúp mình.

3. – Kế hoạch cho kỳ nghỉ của bạn là gì?

- Mình sẽ đi thăm bố mẹ một vài ngày và đi leo núi ở Hinglands Trung tâm.

4. – Tôi đã quyết định rồi. Tôi sẽ mua một căn hộ mới.

5. – Tại sao cậu ấy lại mặc bộ đồ đẹp nhất vậy?

- Cậu ấy sẽ đi ăn trưa với khách hàng lớn nhất.

6. – Bạn muốn ăn thịt gà hay thịt bò?

- Mình nghĩ chúng ta nên ăn thịt bò?

7. – Ở đây trời rất nóng.

- Tôi sẽ đặt một chiếc điều hòa ở đây.

8. – Chúng ta cần một chút mực in.

- Tôi sẽ đến cửa hàng và mua một ít.

4. (trang 15 SBT Tiếng Anh 10 mới) Rewrite the following sentences using the passive. (Viết lại các câu sau sử dụng dạng bị động)

1. English is not spoken in this country.

2. Danny will be picked up at the station

3. The house was built ten years ago.

4. He was given a box full of chocolate. / A box full of chocolate was given to him.

5. He will be looked after by his mother.

6. He was brought a big steak. / A big steak was brought to him (by the waitress).

7. Our cottage was broken into last Saturday.

8. They were told a funny story. / A funny story was told to them (by the teacher)

5. (trang 16 SBT Tiếng Anh 10 mới) Use the given words and phrases in their correct forms to write complete sentences. (Sử dụng các từ và cụm từ đã cho dưới dạng đúng để điền đầy đủ các câu)

1. He will be promoted if he keeps up his excellent performance.
2. In case of emergency, electricity and water will be provided from other sources.
3. The engine won't start although I have done everything I can.
4. Is it going to rain soon as the forecast said last night?
5. We aren't going to the mountains as planned. I think we'll go to the sea instead.
6. It is announced that the new products are going to be manufactured soon.
7. They will start to renovate / renovating the facility once funds are fully granted.
8. Yoga is said to provide people with several invaluable health benefits.

Unit 2: Reading (trang 16)

1. (trang 16 SBT Tiếng Anh 10 mới) Complete the following text with a word from the box. (Hoàn tất đoạn văn sau bằng một từ trong hộp)

1. practices
2. discipline
3. internal
4. eliminated
5. benefit
6. tumours
7. rejuvenation
8. experiment

Hướng dẫn dịch:

Ăn chay là một phần trong tập tục của rất nhiều tôn giáo trên thế giới. Tuy vậy, một số người ăn chay vì lý do tâm linh trong khi số khác thì ăn chay như là một cách rèn luyện cơ thể. Dù lý do là gì, ăn chay đã được khoa học chứng minh là có rất nhiều lợi ích cho sức khỏe.

Đầu tiên, ăn chay được nói là đóng vai trò quan trọng trong việc giải độc cơ thể. Thải độc là quá trình loại bỏ hoặc vô hiệu hóa các chất độc trong các cơ quan bên trong của cơ thể. Quá trình này bắt đầu khi thức ăn không còn được nạp vào cơ thể và cơ thể phải sử dụng mỡ để tạo ra năng lượng. Khi mỡ được sử dụng, các chất hóa học từ acid béo được giải phóng và loại bỏ trên toàn bộ các cơ quan trong cơ thể, từ đó cơ thể được thanh lọc.

Một tác dụng khác được biết đến từ ăn chay là làm nhanh quá trình chữa lành của cơ thể trong quá trình ăn chay. Khi ăn chay, năng lượng được đưa khỏi hệ tiêu hóa. Quá trình chữa lành trong khi ăn chay trở nên dễ dàng hơn nhờ quá trình cơ thể tìm kiếm nguồn năng lượng. Sự phát triển bất thường trong cơ thể, các khối u và những thứ tương tự như vậy, không có được sự cung cấp đầy đủ từ cơ thể và từ đó sẽ dần biến mất.

Ăn chay cũng có thể tạo ra sự trẻ hóa và có thể kéo dài tuổi thọ. Một nghiên cứu được thực hiện trên sâu đất chỉ ra rằng tuổi thọ được kéo dài nhờ vào ăn chay. Thí nghiệm được thực hiện vào những năm 1930 bằng cách cách ly một con sâu và đặt nó vào một vòng tròn thức ăn chay. Con sâu bị cô lập sống lâu hơn những con sâu khác và vẫn giữ được các tính chất của một cơ thể trẻ.

2. (trang 17 SBT Tiếng Anh 10 mới) Read the following text and give short answer to the questions. (Đọc các văn bản sau đây và trả lời ngắn cho các câu hỏi)

1. The purpose of using natural oils from plant in aromatherapy is to enhance psychological and physical well-being
2. (natural) oil
3. They are inhaled and absorbed through the skin
4. pain relief, mood enhancement and increased cognitive function
5. health spas and hospitals
6. cautious / careful (or similar)

Hướng dẫn dịch:

Liệu pháp hương thơm là phương pháp sử dụng tinh dầu tự nhiên chiết xuất từ các loại hoa, vỏ cây, mầm cây, lá cây, rễ cây hoặc các phần khác của thực vật để tăng cường sức khỏe thể lực và cả tinh thần. Mỗi loại chứa hỗn hợp riêng các thành phần hoạt động của nó, và hỗn hợp này quyết định loại dầu này có tác dụng gì. Một số được sử dụng để cải thiện việc chữa lành cho cơ thể. Một số khác được dùng cho tác dụng cảm xúc vì chúng có thể làm tăng sự thư giãn hoặc làm một căn phòng có mùi thơm dễ chịu.

Ngửi những mùi hương từ những loại dầu “chữa lành” này được tin rằng sẽ kích thích sự hoạt động của não bộ. Nó cũng có thể được hấp thụ qua da và đi qua các

mạch máu và nâng cao khả năng tự lành của cơ thể. Dưới dạng một thứ thay thế cho thuốc, liệu pháp hương thơm đang được đà phát triển, nó được sử dụng rất nhiều, bao gồm giảm đau, cải thiện cảm xúc và nâng cao khả năng nhận thức.

Liệu pháp hương thơm được sử dụng rộng rãi trong nhiều hoàn cảnh, từ spa sức khỏe cho đến bệnh viện – để điều trị cho nhiều trường hợp. Cơ bản, nó có vẻ sẽ giảm đau, cải thiện cảm xúc và tạo ra một cảm giác thư giãn. Trên thực tế, một vài loại dầu thiết yếu, bao gồm dầu hoa oải hương, hoa hồng, cam, bergamot, chanh, gỗ sandal và các loại khác, được chỉ ra rằng sẽ giảm căng thẳng, mệt mỏi và chán nản.

Mặc dù tinh dầu đã được sử dụng hàng thế kỉ nay, một vài nghiên cứu đã nhìn vào mặt an toàn và hiệu quả của liệu pháp hương thơm ở người. Các căn cứ khoa học là không đầy đủ cho một số loại tinh dầu thiết yếu cụ thể. Vì vậy, nhiều nghiên cứu cần được thực hiện trước khi liệu pháp hương thơm được công nhận là một phương pháp thay thế.

Unit 2: Speaking (trang 18)

1. (trang SBT Tiếng Anh 10 mới) Work with a friend to talk about the disadvantages of:

- Spending too much time watching TV: obese, diseases relating to eyes, reduce socializing ability.
- Skipping breakfast: reduce productivities, stomachache.
- Eating too much fast food: obese, heart diseases, lacking nutrition in diet.
- Talking too much in pair and group work: distraction, annoyance, hard to understand the lessons.
- Playing video games all the time: diseases relating to eyes, lacking time to study and participate in other activities.

Unit 2: Writing (trang 18)

1. (trang 18 SBT Tiếng Anh 10 mới) Complete the sentences in A by matching them with their continuations in B. (Hoàn thành các câu trong A bằng cách kết hợp chúng với sự tiếp tục của chúng trong B)

1 – c 2 – e 3 – a

4 – f 5 – d 6 – b

2. (trang 19 SBT Tiếng Anh 10 mới) A friend asked you for advice about what to eat before an important interview. Put the words and phrases provided in their correct forms to write a letter. Use the information from your Student's Book (Một người bạn hỏi bạn để được tư vấn về những gì nên ăn trước một cuộc phỏng vấn quan trọng. Đặt các từ và cụm từ được cung cấp dưới dạng chính xác để viết một lá thư. Sử dụng thông tin từ sách giáo khoa của bạn)

1. You asked me in your letter what to eat (you should eat) before you go / going to interview.
2. Onion and garlic are believed to give you bad breath.
3. You're not going to eat peanuts or papaya as they will make you feel sleepy, right?
4. In addition, avoid (eating) fast food because it (may/can/will/might) give you stress.
5. However, a cup of coffee can be consumed to keep you awake.
6. Meats and foods high in protein can help you stay concentrated and quick-minded.
7. Hope you choose the right foods and succeed in your interview.